

Bản án số: 70/2025/DS - PT

Ngày: 18/02/2025

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Lê Văn Thường**

*Các Thẩm phán:* ông **Vũ Thanh Liêm**

ông **Phùng Anh Dũng**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 291/2024/TLPT- DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H**; địa chỉ: **thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Luật sư **Trần Thị Hoàng M**; địa chỉ: **D T, khu phố A, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (Giấy ủy quyền ngày 21/11/2022); có mặt.

2. *Bị đơn:* ông **Võ T1** và bà **Bùi Thị D**; địa chỉ: **khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* ông **Phạm Văn Q**; địa chỉ: **khu phố I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (Giấy ủy quyền ngày 23/6/2023 và giấy ủy quyền ngày 22/4/2024); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình L và bà Võ Thị H1; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Cao Thị Vân A; địa chỉ: khu phố I (nay là khu phố A), phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Phan Thị H2; địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Cao Văn X và bà Nguyễn Thị H3; địa chỉ: khu phố I (nay là khu phố A), phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Phan Đình H4 và bà Võ Thị V; địa chỉ: khu phố T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

\* Người kháng cáo: bị đơn ông Võ T1, bà Bùi Thị D.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2022, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/11/2022; tại các phiên hòa giải ngày 12/01/2023, ngày 02/5/2024, ngày 23/7/2024; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vợ chồng ông Lê Anh T và bà Võ Thị H5 là chủ sử dụng thửa đất số 360, tờ bản đồ số 63, diện tích 895 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 205794, số vào sổ cấp GCN: CS10357 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H.

Nguồn gốc thửa đất này là của vợ chồng ông Phan Đình H4 và bà Võ Thị V được cấp theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 150270 cấp ngày 23/7/2014.

Ngày 05/12/2019, vợ chồng ông T, bà H đã nhận chuyển nhượng lại từ vợ chồng ông H4, bà V. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông T và bà H đã đăng ký biến động chủ sử dụng, đồng thời đăng ký cấp mới lại GCNQSD đất và sử dụng ổn định từ năm 2019 cho đến nay.

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất vợ chồng ông Võ T1 và bà Bùi Thị D ngăn cản không cho nguyên đơn sử dụng, cho rằng thửa đất này có một phần là của ông bà T1, D. Bị đơn cho rằng, việc ông H4, bà V chuyển nhượng đất cho ông T và bà H là sai trái, không đúng pháp luật. Do đó, ông T1 và bà D có hành vi ngăn cản ông T, bà H thực hiện quyền quản lý và sử dụng thửa đất nói trên và xảy ra tranh chấp đất đai giữa hai bên.

Ngoài ra, sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, thấy rằng trên thửa đất được cấp cho ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H có một số tài sản của ông Võ T1 và bà Bùi Thị D. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải tháo dỡ các tài sản trên đất để trả lại toàn bộ diện tích đất đã cấp cho ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H.

Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc ông **Võ T1** và bà **Bùi Thị D** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông **T** và bà **H** tại thửa đất số 360, tờ bản đồ số 63, diện tích 895m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: **khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 205794, số vào sổ cấp GCN: CS10357 được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H**.

- Buộc bị đơn phải tháo dỡ, thu dọn các tài sản trên đất (gồm chuồng trại xây tạm, cây tràm và một số cây ăn quả), để trả lại toàn bộ diện tích đất mà **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** đã cấp cho ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 205794 mang tên ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H**.

*Tại bản trình bày ý kiến; tại các phiên hòa giải ngày 12/01/2023, ngày 02/5/2024, ngày 23/7/2024; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông **Võ T1** và bà **Bùi Thị D** trình bày:*

Nguồn gốc đất do bố mẹ (bà **Nguyễn Thị Đ**) để lại, sau đó gia đình nhờ bà **Nguyễn Thị H6** (nay đã mất) làm các thủ tục và được **UBND thị xã Đ** cấp GCNQSD đất số D622810 ngày 02/8/2004 với diện tích 4.785 m<sup>2</sup> mang tên hộ ông **Võ T1**, đất không có tọa độ và không bàn giao đất trên thực địa.

Sau khi làm sổ đỏ, bà **H6** tự đi tách ra thành 09 thửa đất khác nhau (vẫn mang tên ông **T1**, bà **D**) và sau đó bà **H6** làm các hợp đồng chuyển nhượng hết 08 thửa, còn để lại 01 thửa đã giao GCNQSD đất cho ông **T1**, bà **D** giữ. Bên chuyển nhượng cho ông **H4**, bà **V** là ông **Võ T1**, bà **D**. Sau đó ông **H4**, bà **V** chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông **T**, bà **H** (03 thửa hợp thành một thửa).

Tại các hợp đồng chuyển nhượng, hai vợ chồng ông **T1**, bà **D** không ký vào hợp đồng chuyển nhượng và cũng không nhận tiền, không bàn giao đất.

Do đó, bị đơn ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D** không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời, đề nghị Tòa án xem xét hủy GCNQSD đất số CQ 205794, số vào sổ cấp GCN: CS10357 được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H**, vì đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:*

\* **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất và quá trình cấp GCNQSD đất:

Ông **Phan Đình H4** và bà **Võ Thị V** sử dụng đất đã được **UBND thành phố Đ** cấp GCNQSD đất số BP 150270 ngày 28/7/2014, với diện tích 895 m<sup>2</sup> đất ở đô thị, thuộc thửa đất số 360 (360+15c+15d), tờ bản đồ số 63, tại **khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**.

Ngày 05/12/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ nhận được hồ sơ đăng ký biến động của ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H do nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nói trên từ vợ chồng ông Phan Đình H4 và bà Võ Thị V.

Quá trình giải quyết hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ đã thẩm tra hồ sơ đủ điều kiện, trình Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q (được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q ủy quyền) ký cấp Giấy CNQSD đất số CQ 205794, ngày 19/12/2019 cho ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H với diện tích 895 m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 630, tờ bản đồ số 63, tại khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Vì vậy, việc bị đơn ông Võ T1, bà Bùi Thị D đề nghị hủy Giấy CNQSD đất số CQ 205794, ngày 19/12/2019 cấp cho ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu của ông Võ T1, bà Bùi Thị D.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Đình L và bà Võ Thị H1; bà Cao Thị Vân A; bà Phan Thị H2; ông Cao Văn X và bà Nguyễn Thị H3; ông Phan Đình H4 và bà Võ Thị V: đều không có ý kiến, trình bày gì đối với vụ án.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:**

- Buộc bị đơn ông Võ T1 và bà Bùi Thị D phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông T và bà H tại thửa đất số 360, tờ bản đồ số 63, diện tích 895 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 205794, số vào sổ cấp GCN: CS10357 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bị đơn phải dỡ bỏ, thu dọn toàn bộ các tài sản trên đất để trả lại diện tích đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đã cấp cho ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 205794 cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H.

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Võ T1 và bà Bùi Thị D về việc hủy GCNQSD đất số CQ 205794, số vào sổ cấp GCN: CS10357 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H.

**Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.**

Ngày 11/10/2024 bị đơn ông Võ T1, bà Bùi Thị D kháng cáo không chấp nhận quyết định của án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm

sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D**; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về nguồn gốc thửa đất là của ông **Võ T2** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Đ1** (bố mẹ ông **Võ T1**) chưa được đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Năm 2004, bà **Đ1** có đơn ủy quyền cho ông **Võ T1** với nội dung: “*Để lại thửa đất cho ông Võ T1, bà Bùi Thị D sử dụng, đăng ký kê khai*”, đơn này được **UBND phường Đ**, thị xã (nay là thành phố) **Đông Hà** xác nhận ngày 17/6/2004. Ông **T1**, bà **D** đã làm các thủ tục đăng ký xin cấp **GCNQSD** đất. Ngày 02/8/2004, **UBND thị xã Đ** đã cấp **GCNQSD** đất số **Đ 622810**, tại thửa số 63, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.745 m<sup>2</sup> mang tên ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D**.

[2] Ngày 15/8/2004, ông **T1**, bà **D** đã lập các hợp đồng chuyển nhượng **QSD** đất số 1701/HĐCN để chuyển nhượng đất cho ông **Nguyễn Văn P**, bà **Phan Thị H2** diện tích 269 m<sup>2</sup>; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1703/HĐCN ngày 15/8/2004, giữa bên chuyển nhượng mang tên ông **Võ T1** với bên nhận chuyển nhượng ông **Nguyễn Đình L**, bà **Võ Thị H1** diện tích 303 m<sup>2</sup> và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1704/HĐCN, giữa bên chuyển nhượng mang tên ông **Võ T1** với bên nhận chuyển nhượng ông **Cao Văn X**, bà **Nguyễn Thị H3** diện tích 323 m<sup>2</sup>; các hợp đồng trên đều được **UBND phường Đ** xác nhận ngày 16/8/2004. Ngày 25/4/2013, ông **Nguyễn Đình L**, bà **Võ Thị H1** đã chuyển nhượng cho bà **Cao Thị Vân A** diện tích 303 m<sup>2</sup> đất. Ngày 05/3/2014, ông **Phan Đình H4** và bà **Võ Thị V** đã nhận chuyển nhượng của bà **Cao Thị Vân A** diện tích 303 m<sup>2</sup> đất; nhận chuyển nhượng của bà **Phan Thị H2** diện tích 269 m<sup>2</sup> đất; nhận chuyển nhượng của ông **Cao Văn X**, bà **Nguyễn Thị H3** diện tích 323 m<sup>2</sup> đất. Ngày 28/7/2014, ông **H4**, bà **V** được **UBND thành phố Đ** cấp **GCNQSD** đất số **BD 150370**, thửa số 360, tờ bản đồ số 63, với diện tích 895 m<sup>2</sup>. Ngày 05/12/2019, vợ chồng ông **T**, bà **H** đã nhận chuyển nhượng lại từ vợ chồng ông **H4**, bà **V**. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông **T** và bà **H** đã đăng ký biến động chủ sử dụng, đồng thời đăng ký cấp mới lại **GCNQSD** đất. Ngày 19/12/2019 được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: **CQ 205794** mang tên ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H** tại thửa đất số 360, tờ bản đồ số 63, diện tích 895 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: **Khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Sau khi được cấp **GCNQSD** đất, vợ chồng ông **T**, bà **H** sử dụng ổn định từ năm 2019 cho đến nay.

[3] Còn bị đơn ông **Võ T1** và bà **Bùi Thị D** cho rằng trong các hợp đồng chuyển nhượng có chữ ký và tên ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D**, tên và chữ ký này do người khác ký và viết lên trên chữ ký, chữ viết có sẵn; các bên chuyển nhượng cho nhau là không hợp pháp. Nhưng theo kết luận giám định số 66/KL-KTHS ngày 31/3/2024 của **Phòng K - Công an tỉnh Q** kết luận thì các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1701/HĐCN ngày 15/8/2004, giữa bên chuyển

nhượng mang tên ông **Võ T1** với bên nhận chuyển nhượng ông **Nguyễn Văn P**, bà **Phan Thị H2**; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1703/HĐCN ngày 15/8/2004, giữa bên chuyển nhượng mang tên ông **Võ T1** với bên nhận chuyển nhượng ông **Nguyễn Đình L**, bà **Võ Thị H1**; và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1704/HĐCN ngày 15/8/2004, giữa bên chuyển nhượng mang tên ông **Võ T1** với bên nhận chuyển nhượng ông **Cao Văn X**, bà **Nguyễn Thị H3**. Chữ ký và chữ viết của bên chuyển nhượng có tên **Võ T1**, **Bùi Thị D** đều do cùng một người (ông **T1**, bà **D**) ký và viết ra. Trong khi đó ông **T1**, bà **D** ký không có chứng cứ chứng minh bị lừa dối, bị ép buộc...

[4] Như vậy, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy CNQSD đất số CQ 205794 ngày 19/12/2019 cho ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H** với diện tích 895 m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, thuộc thửa đất số 630, tờ bản đồ số 63, tại **khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.

[5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **T1**, bà **D** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[6] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 26, Điều 166, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của **Bộ T3**); Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D** và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Buộc bị đơn ông **Võ T1** và bà **Bùi Thị D** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông **T** và bà **H** tại thửa đất số 360,

tờ bản đồ số 63, diện tích 895 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: **khú phồ L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 205794, số vào sổ cấp GCN: CS10357 được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H**.

- Buộc bị đơn phải dỡ bỏ, thu dọn toàn bộ các tài sản trên đất để trả lại diện tích đất mà **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** đã cấp cho ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ 205794 cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H**.

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông **Võ T1** và bà **Bùi Thị D** về việc hủy GCNQSD đất số CQ 205794, số vào sổ cấp GCN: CS10357 được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 19/12/2019 mang tên ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị H**.

2. Về án phí: Ông **Võ T1**, bà **Bùi Thị D** phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp 0000170 ngày 22/10/2024 tại Cục Thi hành án dân tỉnh Quảng Trị. Ông **T1**, bà **D** đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Lê Văn Thường**